

Bản án số: 60/2017/HS-PT.

Ngày: 23 – 11 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các thẩm phán:

1- Ông Nguyễn Văn Dũ;

2- Ông Nguyễn Khánh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Lê Minh Thích – Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSPT ngày 13/10/2017 đối với bị cáo Thạch Thị Thanh N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

1. Bị cáo có kháng cáo: Thạch Thị Thanh N (Út H), sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; con ông: Thạch Tấn L và bà Giang Thị T; anh chị em ruột: 04 người; chồng: Trần Chí T (bị cáo trong vụ án); con: 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền sự: không, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Thanh Vân, luật sư thuộc văn phòng luật sư Việt Út, đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập gồm: Các bị cáo Trần Trí T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Minh T, ông Phạm Lý H, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thanh T (T, T),

bà Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị H, ông Thạch Tấn L, ông Võ Văn N, ông Phạm Hoàng L; Người làm chứng: Ông Võ Thanh B, Bà Phan Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện C và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Thị Thanh N (út H) và Trần Chí T sinh là quan hệ vợ chồng. Trong khoảng tháng 01 năm 2017, N và T lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết để bắt đầu hoạt động làm chủ đề và trực tiếp bán số đề (số đầu, số đuôi và số lô), hình thức bán số đề là người mua số đầu (tức là lô hai chữ số của đài xổ số kiến thiết), mua số đuôi (tức là hai chữ số cuối của dãy số đặc biệt của đài xổ số kiến thiết) và số lô (tức là hai chữ số cuối của 18 lô của đài xổ số kiến thiết, nhưng tính tiền chỉ 14 lô), tỷ lệ được thua bằng tiền là 1/70 lần (tức người mua trúng số đầu, số đuôi hoặc số lô 1.000 đồng thì được 70.000 đồng), trúng an ủi thì tỷ lệ được thua tiền là 1/5 lần (tức là trúng an ủi số đầu hoặc số đuôi 1.000 đồng thì được 5.000 đồng), riêng đối với số lô thì không tính trúng an ủi. Người mua số đề sử dụng điện thoại di động nhắn tin vào số thuê bao điện thoại di động của N hoặc gặp trực tiếp T mua số, rồi T ghi vào những tờ giấy và còn tiền mua thanh toán sau với N. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết, những người mua trúng hoặc không trúng sang ngày hôm sau mới thanh toán tiền với nhau.

Vào khoảng 19 giờ 45 phút ngày 31/01/2017, khi N đang có hành vi đánh bạc (chơi bà binh 6 lá) tại nhà bà Phan Thị Kim D, tọa lạc: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cùng một số đối tượng khác thì bị Công an huyện C kiểm tra hành chính bắt quả tang. Trong quá trình, Công an phát hiện bị cáo N đã có hành vi bán số đề cho người khác vào ngày 31/01/2017 và lập biên bản phạm tội quả tang. Cụ thể là:

Vợ chồng bị cáo N bán số đề cho bị cáo Lê Thị U các số đề như sau: số 24 đầu 30.000đ, đuôi 30.000đ; số 39 đầu 20.000đ và đuôi 20.000đ; số 49 đầu 130.000đ và đuôi 130.000đ; số 50 đầu 30.000đ và đuôi 30.000đ; số 58 đầu 25.000đ và đuôi 25.000đ; số 72 đầu 50.000đ và đuôi 50.000đ; số 75 đầu 100.000đ và đuôi 100.000đ và số lô 72 là 10.000 đồng x 14 lô = 140.000 đồng. Tổng số tiền bà U mua là 910.000 đồng. Kết quả xổ số bà U trúng số đầu 49 là 130.000 đồng, trúng số lô 72 là 10.000 đồng và trúng an ủi số 50 là 30.000 đồng. Như vậy tổng số tiền N và T đánh bạc với bà U là: $910.000đ + (140.000đ \times 70 \text{ lần}) + (30.000đ \times 5 \text{ lần}) = 10.860.000đ$

Vợ chồng bị cáo N bán số đề đầu đuôi cho bà Nguyễn Thị N qua số điện thoại của bà N số thuê bao 01628288090 các con sau: số 74 đầu 100.000đ và đuôi 100.000đ; số 75 đầu 100.000đ và đuôi 100.000đ; số 48 đầu 50.000đ và đuôi 50.000đ; số 84 đầu 50.000đ và đuôi 50.000đ; số lô 72 là $20.000đ \times 14 \text{ lô} = 280.000đ$; số lô 81 là $20.000đ \times 14 \text{ lô} = 280.000đ$. Tổng số tiền bà N là 1.160.000 đồng. Kết quả: Trúng số lô 72 là 20.000đ và trúng an ủi số đầu 48 là 50.000đ. Như vậy tổng số tiền N và T đánh bạc với bà N trong ngày là 2.810.000đ.

Vợ chồng bị cáo N bán số đề cho bà T qua tin nhắn điện thoại mua các con số lô như sau: số 57 là $10.000đ \times 14 \text{ lô} = 140.000đ$; số 75 là $10.000đ \times 14 \text{ lô} = 140.000đ$; số 52 là $20.000đ \times 14 \text{ lô} = 280.000đ$; số 35 là $10.000đ \times 14 \text{ lô} = 140.000đ$. Tổng số tiền bà T mua số là 700.000đ. Kết quả bà T trúng số 35 là 10.000 đồng. Như vậy tổng số tiền N và T đánh bạc với bà T trong ngày 1.400.000đ.

Bị cáo N bán số đề cho bà H qua tin nhắn điện thoại mua các con số đầu, đuôi như sau: số 11 là 70.000đ; 19 là 80.000đ; số 10 là 50.000đ; số 39 là 40.000đ; số 93 là 20.000đ; số 32 là 20.000đ; số 72 là 20.000đ và các số lô như sau: số 05 là $3.000đ \times 14 \text{ lô} = 42.000đ$; số 14 là $3.000đ \times 14 \text{ lô} = 42.000đ$; số 23 là $4.000đ \times 14 \text{ lô} = 56.000đ$. Tổng số tiền N và T đánh bạc với bà H là 440.000đ và kết quả xổ số không trúng.

Bị cáo N bán số đề cho bà T qua tin nhắn điện thoại mua số đầu và số đuôi các con số sau: số 21 là 10.000đ; số 10 là 5.000đ; số 88 là 10.000đ; số 76 là 5.000đ. Tổng số tiền N và T đánh bạc với bà T là 30.000đ và kết quả không trúng. Ngoài ra cũng trong ngày 31/01/2017, N bán số đề số 03 đầu 50.000đ và đuôi 50.000đ cho một người không xác định được họ tên và địa chỉ ở đâu nhưng kết quả không trúng.

Ngoài ra, bị cáo N còn khai nhận trong các ngày 25, 26, 27, 28, 29 và 30/01/2017 bán số đề cho người khác nhưng chủ đủ định lượng nên cấp sơ thẩm không khởi tố.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST, ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Thạch Thị Thanh N (Út H) , Trần Chí T và Lê Thị U (Sáu T) phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng Khoản 1, Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; Điều 41; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với các bị cáo Trần

Chí T và Lê Thị U áp dụng thêm Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tổ tụng Hình sự số 101/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP, ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Căn cứ công văn số 276/TANDTC-PC, ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015. Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13.

Áp dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 74; Điểm c, Khoản 2, Điều 76 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Thạch Thị Thanh N (Út H)** 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Chí T** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị U (Sáu T)** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 18/9/2017, bị cáo Thạch Thị Thanh N kháng xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo với lý do bị cáo đang nuôi con còn bú, bản thân bị cáo mang bệnh giun đũa phải đi tái khám định kỳ.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm chưa đối chất lời khai giữa bị cáo N với bị cáo U.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày việc Kiểm sát viên đề nghị hủy án là không có cơ sở vì lời khai của các bị cáo N, U đã thống nhất và tại phiên tòa sơ thẩm đã làm rõ số tiền đánh bạc. Đối với kháng cáo của bị cáo N thì đề nghị Tòa xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo các Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Tòa xem xét cho bị cáo được giảm án và được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Thạch Thị Thanh N đã thừa nhận vào ngày 31/01/2017 cùng với chồng là bị cáo Trần Chí T bán số đề cho bị cáo Lê Thị U với tổng số tiền 10.860.000đ, bán số đề cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.810.000đ, bán số đề cho bà T số tiền 1.400.000đ, bán cho bà H số tiền 440.000đ, bán cho bà T 30.000đ. Hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội: “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; số tiền thu lợi bất chính không lớn, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 19.716.000đ và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đồng ý giao nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại là 1.376.000đ theo quy định tại các Điểm h, p khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đang nuôi con nhỏ, bị cáo bị bệnh và hoàn cảnh gia đình khó khăn thì đây là không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy tội phạm đánh bạc không có chiều hướng giảm, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác nên phải cách ly bị cáo một thời gian nhất định như án sơ thẩm đã tuyên để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật vì đơn kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc hủy án sơ thẩm do chưa đối chất thì thấy các lời khai của bị cáo N, U không mâu thuẫn, thống nhất về số tiền đánh bạc nên không cần tiến hành đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã làm rõ và đối chất lời khai về số tiền đánh bạc. Do đó, không chấp nhận của Kiểm sát viên là phù hợp.

Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm cho Tòa án cấp sơ thẩm về áp dụng các Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/06/2016 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội vì khi xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2017 thì Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 và có hiệu lực từ ngày 04/7/2017, các Nghị quyết 144, 109 đã hết hiệu lực. Cho nên, khi xét xử sơ thẩm phải áp dụng Nghị Quyết 41 thì đúng pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Thạch Thị Thanh N; giữ nguyên án sơ thẩm;

Tuyên bố bị cáo Thạch Thị Thanh N phạm tội: “Đánh bạc”;

Áp dụng Khoản 1, Điều 248; các Điều h, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; Điều 41; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Tuyên Xử: Phạt bị cáo Thạch Thị Thanh N: 08 tháng tù (tám tháng tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

[2] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải nộp là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở Tư Pháp tỉnh Sóc Trăng
- Bị cáo
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Sóc Trăng
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Thái Rết